

Số:

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 10 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4976/UBND-TH ngày 14/10/2020 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 như sau:

#### **Phần I**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

#### **I. TÌNH HÌNH CHUNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

##### **1. Về dân số, dân tộc:**

Vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh hiện nay có 05 huyện với 78 xã (*do chia tách, sáp nhập huyện, xã*). Đây là khu vực sinh sống chủ yếu của người đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh với 03 dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời là H're, Co, Ca dong với dân số khoảng 187.072 người (*nam: 93.022 người, nữ: 94.050 người*) chiếm khoảng 14,9% dân cư toàn tỉnh; trong đó, dân tộc H're có 133.244 người, dân tộc Co có 33.520 người, dân tộc Ca dong có 19.808 người và một số các dân tộc thiểu số khác cư trú trên địa bàn tỉnh với số dân khoảng 500 người.

##### **2. Về tình hình hộ nghèo:**

Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016-2020, đầu năm 2020 tổng số hộ nghèo khu vực miền núi của tỉnh là 16.763 hộ (*đầu năm 2016 là 27.937 hộ*), chiếm tỷ lệ 26,41% (*đầu năm 2016 là 46,76%*) và tổng số hộ cận nghèo của khu vực là 7.751 hộ (*đầu năm 2016 là 7.700 hộ*), chiếm tỷ lệ 12,21% (*đầu năm 2016 là 13,89%*) so với tổng số hộ trong khu vực. Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số là 15.773 hộ (*đầu năm 2016 là 16.064 hộ*), chiếm tỷ lệ 56,4% trong tổng số hộ nghèo toàn tỉnh; 4,34% trong tổng hộ dân cư.

##### **3. Về tình hình kinh tế - xã hội:**

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành

trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh trong việc tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của vùng đồng bào DTTS và miền núi đã có nhiều thay đổi mang tính căn bản. Các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS cùng với các Chương trình, kế hoạch chung của TW và của tỉnh đầu tư trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh đã góp phần làm cho hệ thống cơ sở hạ tầng vùng đồng bào DTTS của tỉnh ngày càng đồng bộ, điều kiện sản xuất của người dân thuận lợi, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên, cụ thể:

*a) Về kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội:*

Hiện nay, có 78/78 xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được trong suốt cả năm; có 13/78 xã có chợ trung tâm xã; 78/78 xã có trạm y tế trong đó có 30% số xã có trạm y tế đạt chuẩn; tỷ lệ hộ được sử dụng điện là 90,4%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 77%; tỷ lệ hộ gia đình được xem truyền hình là 90,75% và tỷ lệ hộ nghe đài tiếng nói Việt Nam là 95,6%. Còn 21 xã chưa có Nhà Văn hóa, 52 thôn chưa có Nhà Văn hóa, 37 thôn chưa được bê tông hóa đường giao thông nông thôn, 03 thôn chưa có điện.

*b) Về giáo dục:*

Ngành giáo dục và đào tạo đã thực hiện tốt các chủ trương về hoạt động dạy và học của cấp trên, kịp thời tham mưu, chỉ đạo các hoạt động dạy, học, nuôi dưỡng tại các trường. Các cấp, các ngành có sự quan tâm thiết thực đến công tác giáo dục dân tộc. Do vậy chất lượng giáo dục dân tộc từng bước được nâng lên, tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đạt kết quả học tập loại khá tăng, tỷ lệ học sinh yếu kém, bỏ học giảm.

*c) Về y tế:*

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các huyện miền núi, kiểm soát và xử lý các dịch bệnh trong cộng đồng, nâng cao sức khỏe nhân dân là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, được đặc biệt quan tâm. Triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh và thực hiện Chương trình “*Cộng đồng chung tay phòng, chống dịch bệnh*” giai đoạn 2016 - 2020; triển khai chiến dịch tiêm vắc xin Sởi - Rubella và thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh do vi rút Zika trên địa bàn tỉnh. Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh được tăng cường chỉ đạo; xử phạt vi phạm hành chính các cơ sở vi phạm về VSATTP; tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng, chống ngộ độc thực phẩm trong mùa hè trên địa bàn tỉnh. Người dân tộc thiểu số được cấp thẻ BHYT và số lượt người dân tộc thiểu số được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT được bảo đảm theo đúng chính sách của Nhà nước.

*d) Về văn hóa - xã hội:*

Ngành văn hoá đã triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về văn hóa, trong đó có tổ chức thực hiện các mục tiêu liên quan đến đồng bào dân

tộc thiểu số, chú trọng đến các nội dung tăng cường phổ biến giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn, nghiên cứu, sưu tầm, phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao và công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn được duy trì thường xuyên; đặc biệt truyền truyền lưu động về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

*đ) Về an ninh trật tự:*

Những năm gần đây đã nảy sinh các vấn đề về an ninh trật tự (ANTT) như trộm cắp, cướp giật do người địa phương khác đến gây ra trên địa bàn, Công an đã huy động cả hệ thống chính trị địa phương tham gia đấu tranh, phòng ngừa, tấn công, triệt xóa các loại tội phạm trên địa bàn, nhìn chung, hiện nay tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng đồng bào DTTS ổn định. Không có sự việc nổi cộm, điểm nóng nào xảy ra.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **1. Chương trình mục tiêu Quốc gia**

#### **1.1. Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững**

- Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2020 là 2.257.100,4 triệu đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 1.868.456,7 triệu đồng, ngân sách địa phương 335.911,9 triệu đồng, vốn huy động khác 52.731,9 triệu đồng.

Tổng nguồn kinh phí đạt 102,7% (2.257.100,4/2.197.117 triệu đồng) so với tổng nhu cầu kế hoạch kinh phí của Chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ngân sách Trung ương đạt 100,14% (1.868.456,7/1.865.763 triệu đồng).

#### **1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Toàn tỉnh có 164 xã tham gia xây dựng nông thôn mới. Trong đó, vùng đồng bào DTTS và miền núi có 80 xã (*gồm 64 xã thuộc các huyện miền núi và 16 xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng*) đến nay có 16 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (*trong đó có 04 xã thuộc các huyện miền núi và 12 xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng*).

### **2. Một số chính sách dân tộc khác**

*a) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS:*

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg: Năm 2016 đầu tư xây mới 05 công trình nước sinh hoạt tập trung; với tổng kinh phí 5.000 triệu đồng (Chính sách này kết thúc năm 2016).

- Chương trình 135: Xây dựng 471 công trình; trong đó có: 295 công trình đường giao thông, 73 công trình thủy lợi, 13 công trình điện, 58 công trình Nhà văn hóa, 8 công trình trạm chuyên tiếp phát thanh xã, 9 công trình giáo dục, 13

công trình nước sinh hoạt và 2 công trình khác và duy tu bảo dưỡng 113 công trình, với tổng kinh phí là 338.971 triệu đồng; thực hiện 128 lớp tập huấn, có 4.293 người dân tham gia và tổ chức 02 đợt tham quan, học tập kinh nghiệm, tổng kinh phí 5.643 triệu đồng.

- Thực hiện nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len: Xây dựng 09 công trình giao thông nông thôn. Tổng kinh phí 12.400 triệu đồng.

- Thực hiện chính sách định canh, định cư theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg: Từ năm 2016 đến nay, xây dựng 07 dự án ĐCĐC tập trung cho đồng bào DTTS du canh, du cư (*trong đó có 05 dự án do Ban Dân tộc làm chủ đầu tư*), đến nay đã có 06 dự án hoàn thành, 01 dự án đang thi công; với quy mô thiết kế cho 319 hộ, đến nay đã có 191 hộ vào ở ổn định, nhà ở kiên cố. Tổng kinh phí 90.104,84 triệu đồng.

- Thực hiện chính sách đặc thù theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016: Hỗ trợ 4.967 hộ DTTS nghèo, kinh phí 7.125 triệu đồng để tạo nguồn nước sinh hoạt (*mua bồn chứa nước, mô tơ bơm nước, ống dẫn nước ...*), và có 296 hộ vay vốn tín dụng ưu đãi theo chính sách này với số tiền 10.919 triệu đồng.

*b) Về hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập, ổn định đời sống:*

- Thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/QĐ-TTg: Từ năm 2016 đến năm 2018, đã hỗ trợ cho 343.066 lượt khẩu (*định mức: Khu vực II 80.000 đồng/khẩu, khu vực III 100.000 đồng/khẩu*), sau khi mua muối iốt, số tiền còn lại mua: Gà, vịt, cây ăn quả, lúa giống; tổng kinh phí 30.992 triệu đồng.

- Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc dự án 2 - Chương trình 135: Từ năm 2016 đến năm 2020, hỗ trợ giống cây trồng cho 8.594 hộ (*gồm các loại: Lúa giống, đậu phụng, keo, xà cừ, sao, dổi, quế, cau, chè, bơ, huỳnh đàn, tre lầy măng, chuối, chanh, mít Thái, bưởi, cây tiêu, dứa Xiêm, mỳ, bắp cao sản, phân bón, xây dựng 33 mô hình trồng trọt*); hỗ trợ giống vật nuôi cho 5.613 hộ (*gồm các loại: Heo, bò, trâu, dê, vịt xiêm, gà, 42 mô hình chăn nuôi*); các hộ được tập huấn kỹ thuật khuyến nông; hỗ trợ công cụ sản xuất cho 1.684 hộ (*máy tuốt lúa, máy cắt lúa đeo vai, máy bơm nước, máy làm đất, bình phun thuốc*); tổng kinh phí 148.949 triệu đồng.

*c) Hỗ trợ đời sống vật chất, tinh thần:*

- Thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 (*trước năm 2018 là Quyết định số 18/QĐ-TTg và Quyết định số 56/QĐ-TTg*): Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến người có uy tín về vật chất lẫn tinh thần như: Người có uy tín ốm đau, qua đời hoặc người thân qua đời được Ban Dân tộc, Phòng Dân tộc thay mặt UBND

tỉnh, UBND huyện đến thăm, viếng, hỗ trợ theo quy định, cấp huyện thăm, viếng 217 trường hợp, cấp tỉnh thăm, viếng 66 trường hợp; hàng năm tất cả người có uy tín được UBND huyện đến thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán; hàng năm được đi tham quan, học tập kinh nghiệm trong tỉnh và có khoản 40 người có uy tín được Ban Dân tộc tổ chức đi tham quan, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh; hàng năm, người có uy tín được cấp báo Quảng Ngãi, báo Dân tộc và Phát triển, mỗi kỳ được cấp 01 tờ; cấp đài radio 3 năm/cái; được phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; tổng kinh phí 11.034,76 triệu đồng.

- Các chính sách: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở các huyện miền núi hiệu quả, thực hiện Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021" (Đề án 1163); Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho đồng bào dân tộc thiểu số"; thực hiện công tác tuyên truyền đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; mở các lớp tập huấn, tổ chức Hội nghị cho đối tượng là người dân, học sinh và giáo viên; nhờ đó, tỷ lệ các cặp tảo hôn đã có chiều hướng giảm dần, số vụ vi phạm an toàn giao thông ngày càng ít, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS được giữ vững, tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong cộng đồng dân cư được phát huy, nhiều tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi.

- Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán: Hàng năm, tỉnh bố trí kinh phí để mua một số mặt hàng thiết yếu như: Dầu ăn, nước mắm, bột ngọt và muối iốt cấp cho tất cả người dân là DTTS ở vùng đồng bào DTTS theo định mức: 01 lít dầu ăn/hộ, 02 lít nước mắm/hộ, 100 gam bột ngọt/khẩu, 01 kg muối iốt/khẩu (*cấp muối năm 2019 và 2020*). Cấp cho 956.859 lượt khẩu/252.336 lượt hộ, tổng kinh phí 25.112,70 triệu đồng.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao và thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh, vùng đồng bào DTTS ở tỉnh đã có bước thay đổi khá toàn diện. Việc thực hiện các chính sách dân tộc đã góp phần quan trọng trong việc phát triển KT-XH ở vùng đồng bào DTTS và miền núi; tỷ lệ giảm hộ nghèo và tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 trên khu vực miền núi và vùng đồng bào DTTS của tỉnh vượt mức chỉ tiêu đề ra của Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX; kết cấu hạ tầng KT-XH từng bước hoàn thiện nhất là hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; quy mô tổng sản phẩm vùng đồng bào DTTS tăng lên đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; văn hóa - xã hội có những bước tiến đáng kể, đồng bộ với phát triển kinh tế và quản lý, bảo vệ môi trường.

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã cơ bản hoàn thành chương trình xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục trung học và Trung học cơ sở. Nhờ có các chính

sách hỗ trợ cho học sinh; chế độ phụ cấp cho cán bộ, giáo viên vùng DTTS và miền núi đã góp phần tăng tỉ lệ học sinh đến trường và giảm tỷ lệ học sinh bỏ học ở vùng DTTS và miền núi trong những năm qua. Chương trình cử tuyển đã tạo nguồn cán bộ là người DTTS, góp phần quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi.

Công tác quy hoạch, sử dụng, bố trí cán bộ là người DTTS được các cấp, các ngành quan tâm; từng bước bảo đảm đúng cơ cấu, thành phần, chức danh và tỉ lệ trong cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Xây dựng đội ngũ CBCC ngày càng chuyên nghiệp có phẩm chất, đạo đức và năng lực, trình độ chuyên môn ngày càng cao đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân và phát triển KT-XH; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, mở rộng; tổ chức Đảng, chính quyền ngày càng vững mạnh.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, kiểm soát và xử lý các dịch bệnh trong cộng đồng, nâng cao sức khỏe Nhân dân vùng DTTS và miền núi luôn được quan tâm. Người DTTS được cấp thẻ BHYT và sử dụng có hiệu quả.

Đa dạng hóa các hoạt động về văn hóa, thể dục, thể thao theo hướng tích cực, sôi nổi; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì; bảo tồn và phát huy một số di sản văn hóa, di tích lịch sử.

Tuy nhiên, vùng DTTS và miền núi của tỉnh vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định: diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bào DTTS sinh sống ít, không tập trung; tập quán sản xuất còn manh mún, chậm thay đổi; phần lớn sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ chưa đúng với giá trị thực tế nên hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp thấp. Hệ thống giao thông đã được quan tâm đầu tư nhưng tỉ lệ đường thôn, liên thôn được cứng hoá còn thấp, chủ yếu vẫn là đường đất. Mỗi DTTS (Hrê, Co, Cadong) hình thành những khu vực cư trú riêng, vẫn còn một bộ phận cư dân sinh sống tách biệt, rải rác thành các nhóm nhỏ ở địa bàn hiểm trở phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào DTTS của tỉnh vẫn chiếm tỷ lệ khá cao (chiếm tỷ lệ 54,61% trong tổng hộ nghèo toàn tỉnh); an sinh xã hội giữa miền núi và đồng bằng có sự chênh lệch lớn, đời sống của các DTTS còn khó khăn về nhiều mặt; an ninh, trật tự còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Hoạt động tôn giáo chủ yếu là đạo Tin lành diễn biến phức tạp; mê tín dị đoan, nghi kỵ cầm đồ thuốc độc; học sinh bỏ học; tranh chấp, khiếu kiện đông người; khai thác lâm sản, khoáng sản trái pháp luật; xâm canh, xâm cư đất rừng phòng hộ, tranh chấp đất rừng xảy ra ở một số nơi,...

## **Phần II**

### **NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **I. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ

nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin*), hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 – 2025.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn, trong đó, tập trung đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn đủ trình độ, năng lực làm việc gắn với giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và chuyển nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho một bộ phận lao động nông thôn để thực hành sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính an sinh xã hội cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định nhằm ổn định cuộc sống cho đối tượng.

## **II. Một số chỉ tiêu cụ thể**

(1) 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, 73% thôn có đường ô tô đến trung tâm được nhựa hóa, bê tông hóa.

(2) 81% trạm y tế xã được kiên cố hóa, đạt chuẩn quốc gia về y tế.

(3) 85% phòng học được kiên cố hóa, 37% trường mầm non, 60% tiểu học, 55% trung học cơ sở và 60% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

(4) 100% trụ sở xã được xây dựng kiên cố.

(5) 100% xã có nhà văn hóa, 98% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng được kiên cố hóa.

(6) 99% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia.

(7) Trên 90% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh.

(8) Giảm 3 - 4% tỷ lệ hộ nghèo DTTS.

(9) 100% hộ DTTS có thẻ bảo hiểm y tế.

(10) Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 19%.

(11) Thu nhập bình quân đầu người đạt **50** triệu đồng/người/năm.

## **III. Những nhiệm vụ chủ yếu**

**1. Về phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo vùng DTTS.**

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án đẩy mạnh phát triển KTXH, phấn đấu giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; đồng thời với Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên các địa bàn này.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ của khoa học và công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng, chuyển giao và nhân rộng các mô hình sản xuất nông lâm nghiệp có hiệu quả cao phù hợp với điều kiện sản xuất của đồng bào DTTS và miền núi. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của đồng bào DTTS.

Triển khai thực hiện tốt Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và Nghị quyết số 88/2019/NQ/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS.

Xây dựng kế hoạch phát triển thương mại trên vùng DTTS và miền núi; phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống của đồng bào DTTS đi đôi với việc thực hiện chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động là người DTTS theo đúng quy định và tăng cường công tác kêu gọi, khuyến khích để thu hút vốn đầu tư cho vùng DTTS và miền núi từ các nguồn vốn ODA, các nguồn tài trợ trong và ngoài nước.

## **2. Về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển toàn diện lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát triển văn hóa của đồng bào các DTTS.**

Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS. Xây dựng hoàn thiện mạng lưới trường lớp các cấp và nhà công vụ cho giáo viên ở một số nơi cần thiết; đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh trong hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú đáp ứng đủ nhu cầu chỗ ở cho học sinh bán trú; hoàn thiện cơ sở vật chất để chuyển đổi các trường phổ thông thành trường phổ thông dân tộc bán trú và hoạt động đúng theo qui chế của trường dân tộc bán trú.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên; xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên là người DTTS thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng công lập. Xây dựng cơ chế, chính sách sử dụng, tuyển dụng sinh viên là người DTTS sau khi tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học theo đúng quy định.

Từng bước đưa tiếng đồng bào DTTS vào giảng dạy và học tập ở các trường thuộc hệ thống giáo dục ở vùng DTTS và miền núi. Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy và học của các trường dạy nghề, thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, tập quán lao động sản xuất của vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Xây dựng chương trình tổng thể về phát triển nguồn nhân lực bao gồm cán bộ khoa học kỹ thuật, văn hóa, y tế, giáo dục, quy hoạch, bồi dưỡng và đào



tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS. Đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu hợp lý cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị các cấp ở vùng DTTS.

Về Y tế, nhanh chóng có giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế ở các cấp xã, huyện. Thực hiện chính sách thu hút cán bộ y, bác sĩ về công tác ở vùng DTTS. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách BHYT về khám chữa bệnh cho người đồng bào DTTS. Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, thực hiện tốt Chương trình Mục tiêu quốc gia về tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh, chuồng trại theo tiêu chí Chương trình xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư y tế dự phòng, duy trì và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y tá thôn; tuyên truyền vận động và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dân số trong vùng.

Tổ chức thực hiện tốt đề án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các DTTS; tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp tiến tới xóa bỏ những phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Tổ chức duy trì, thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Nâng cao chất lượng và thời lượng phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào DTTS.

### **3. Về đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển hạ tầng vùng DTTS và miền núi của tỉnh như: đề án phát triển đô thị; đề án phát triển giao thông nông thôn theo tiêu chí về giao thông trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; đề án xây dựng và nâng cấp cải tạo hệ thống điện đến những nơi chưa có điện lưới quốc gia; đề án kiên cố hóa trường học và nhà công vụ cho giáo viên; đề án kiên cố hóa kênh mương, các công trình hồ, đập trên địa bàn vùng DTTS, phấn đấu bê tông hóa toàn bộ hệ thống kênh mương thủy lợi trên địa bàn các huyện miền núi.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống mạng lưới y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa ở các cấp xã, huyện đảm bảo đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí nông thôn mới; phát triển hệ thống hạ tầng thông tin: bưu chính, viễn thông, internet đến hầu khắp các thôn vùng DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh.

### **4. Về nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh**

Tiếp tục quán triệt sâu rộng, thực hiện tốt chủ trương đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS nhằm duy trì, củng cố niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay; tạo dựng sự đồng thuận cao, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào trong quá trình phát triển KTXH của địa phương.

Chú trọng việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân vững chắc, chủ động nắm chắc tình hình và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, hợp

tình, hợp lý những mâu thuẫn nội bộ; kiên quyết không để phát sinh các điểm nóng. Ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để lừa gạt và lôi kéo, kích động đồng bào DTTS.

Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS để tuyên truyền, vận động Nhân dân, đồng bào DTTS tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn địa bàn thôn, xóm. Đổi mới các hình thức tuyên truyền, tăng cường xây dựng, nhân rộng các mô hình kết nghĩa để tạo sự đoàn kết, gắn bó giữa các địa bàn, các dân tộc trong vùng để phát triển KTXH và ổn định an ninh, quốc phòng tại mỗi địa phương và toàn bộ vùng DTTS và miền núi của tỉnh.

Với những thành tựu đạt được rất quan trọng về phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi trong thời gian qua, trên cơ sở quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ của công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cùng với Nhân dân và đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh cùng nhau quán triệt quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc và các chủ trương, chính sách dân tộc và tổ chức thực hiện tốt nhất các chương trình, chính sách đối với vùng DTTS và miền núi trên tinh thần “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”, tạo cho vùng DTTS và miền núi của tỉnh trở thành một khu vực có các điều kiện đời sống vật chất và tinh thần ngày càng tốt hơn, gần gũi hơn với các khu vực khác trong tỉnh nhưng vẫn gìn giữ được môi trường sinh thái tự nhiên bảo đảm cho sự phát triển bền vững không chỉ cho khu vực miền núi mà còn cho toàn bộ các khu vực khác của tỉnh.

#### **IV. Một số giải pháp chủ yếu**

- Tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, có hiệu quả Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và Nghị quyết số 88/2019/NQ/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS của tỉnh đã ban hành trong thời gian qua trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc. Các sở, ngành cần tăng cường công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện các Chương trình chính sách dân tộc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

- Thực hiện tốt cơ chế lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã ĐBKK. Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các Chương trình chính sách dân tộc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và cộng đồng, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo trong việc thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo. Tuyên truyền để hộ nghèo nỗ lực, phấn đấu vươn lên thoát nghèo, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách cấp không của của Nhà nước.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thế Nhân**